

LUẬN A TỶ ĐÀM TỶ BÀ SA

QUYỂN 46

Chương 2: **KIỀN-ĐỘ SỬ**

Phẩm 4: **MƯỜI MÔN**, Phần 10

Lại có ba việc, nên gọi là tam-muội:

1. Trụ một duyên.
2. Hệ thuộc ở một duyên.
3. Chánh tư duy.

Lại có ba việc, nên gọi là tam-muội:

1. Tự sửa tâm cho đúng.
2. Sinh, gieo trồng căn thiện.
3. Làm cho tâm ngay thẳng nối tiếp nhau.

Lại có ba việc, nên gọi là tam-muội:

1. Ở trong duyên không theo.
2. Gìn giữ các thứ pháp thiện.
3. Có công năng khiến các thứ tâm thiện đều trụ trong một duyên.

Tôn giả Hòa-tu-mật nói: Vì sao gọi là tam-muội?

Đáp: Vì có thể làm cho các thứ tâm thiện dừng lại trong một duyên, thuyết khác như trên.

Tôn giả Phật-đà-đề-bà nói: Tam-muội có nhiều tên gọi: Có tam-muội pháp thiện. Có tam-muội pháp bất thiện. Có tam-muội của pháp vô ký. Có tam-muội Không thứ lớp. Trong đây nói tam-muội chánh tâm, gọi là tam-muội.

Giới: Hữu lậu, lệ thuộc ba cõi, vô lậu không lệ thuộc.

Địa: Hữu lậu ở mười một địa, vô lậu ở chín địa.

Thân, nương dựa: Dựa vào hành thân của ba cõi: Không có hai hành, vô nguyện có mười hành, vô tướng có bốn hành.

Duyên là: Tam-muội Không, hữu lậu là: Duyên với tất cả pháp,

vô lậu: Duyên với khổ đế. Vô nguyện duyên ba đế, vô tướng duyên với diệt đế.

Niệm xứ: Tam-muội Không, vô nguyện là bốn niệm xứ. tam-muội Vô tướng là pháp niệm xứ.

Trí: Tam-muội Không đi chung với bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, đẳng trí và khổ trí. Tam-muội Vô nguyện đi chung với bảy trí, trừ diệt trí.

Tam-muội Vô tướng đi chung với bốn trí: Pháp trí, tỷ trí, đẳng trí và diệt trí.

Về tam-muội: Tức căn của tam-muội. Tóm lại, tam-muội tương ứng với ba căn.

Quá khứ, vị lai, hiện tại, là ba đời.

Duyên với pháp ba đời: tam-muội Vô duyên với ba đời và pháp không phải đời. Vô nguyện duyên với ba đời. Vô tướng duyên chẳng phải đời.

Thiện, bất thiện, vô ký: Là thiện duyên thiện. Bất thiện, vô ký: Không, vô nguyện duyên ba thứ. Vô tướng duyên thiện.

Là lệ thuộc ba cõi, không lệ thuộc: Hoặc lệ thuộc ba cõi, hoặc không lệ thuộc.

Duyên lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc: tam-muội Không Hữu lậu duyên lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc. Vô lậu duyên lệ thuộc ba cõi. Vô nguyện duyên lệ thuộc ba cõi và không lệ thuộc. Vô tướng duyên không lệ thuộc.

Là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Là ba thứ.

Duyên Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Tam-muội Không: hữu lậu: Duyên với ba thứ. Vô lậu: Duyên với Phi học phi Vô học. Vô nguyện: Duyên với ba thứ. Vô tướng: Duyên Phi học Phi Vô học.

Là kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Hữu lậu là tu đạo dứt, vô lậu là không dứt.

Duyên kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Tam-muội Không, hữu lậu: Duyên với ba thứ, vô lậu: Duyên với kiến đạo dứt, tu đạo dứt. Vô nguyện duyên ba thứ, vô tướng duyên không dứt.

Duyên danh, duyên nghĩa: Không, vô nguyện duyên nghĩa, duyên danh. Vô tướng duyên nghĩa.

Duyên với thân mình, thân người, chẳng phải thân: tam-muội Không: hữu lậu thì duyên ba thứ. Vô lậu và vô nguyện thì duyên với thân mình, thân người. Vô tướng duyên chẳng phải thân.

Nếu là tam-muội Không thì đều chuyển vận hành không chẳng?

Đáp: Hoặc tam-muội Không không chuyển vận hành không, cho đến nói rộng thành bốn trường hợp:

1. Tam-muội Không không chuyển vận hành không, nghĩa là tam-muội Không chuyển vận hành vô ngã.

2. Chuyển vận hành không chẳng phải tam-muội Không, nghĩa là hành không hành là pháp tương ứng của tam-muội Không.

3. Tam-muội Không chuyển vận hành không, nghĩa là tam-muội Không của hành không hành.

4. Chẳng phải tam-muội Không, chẳng phải chuyển vận hành không, nghĩa là nếu nhận lấy chủng tánh này, chuyển vận pháp tương ứng với tam-muội Không của hành vô ngã. Nếu không nhận lấy chủng tánh này, thì trừ ngần ấy việc trên!

Đã chuyển vận, sẽ chuyển vận cũng giống như thế.

Như hành không của tam-muội Không, lập ra bốn trường hợp, thì tam-muội Không chuyển vận hành vô ngã cũng giống như thế. Vô nguyện có ba mươi thứ bốn trường hợp. Vô tướng có mười hai thứ bốn trường hợp, hợp lại thành bốn mươi tám thứ bốn trường hợp.

Hỏi: tam-muội và môn giải thoát có gì khác nhau?

Đáp: tam-muội là hữu lậu, vô lậu, môn giải thoát chỉ là vô lậu.

Hỏi: Vì sao tam-muội là hữu lậu, vô lậu? Môn giải thoát chỉ là vô lậu?

Đáp: Môn giải thoát không thể là hữu lậu, không thể là sự ràng buộc.

Hỏi: Vì được chánh quyết định hay vì hết lậu, mà lập môn giải thoát? Nếu do được chánh quyết định, thì khổ pháp nhãn tương ứng với định, lẽ ra là môn giải thoát? Nếu do hết lậu, thì định Kim cương dụ lẽ ra là môn giải thoát?

Đáp: Nên nói rằng: Được chánh quyết định, cũng do hết lậu, gọi là môn giải thoát. Vì sao? Vì được tất cả Thánh đạo, đều gọi là quyết định, tất cả đều dứt trừ hết gọi là hết lậu. Như pháp Thế đệ nhất theo thứ lớp, được khổ pháp nhãn, khổ theo thứ lớp được tập, tập theo thứ lớp được diệt, diệt theo thứ lớp được đạo.

Hết lậu: Hoặc dựa vào tam-muội Không mà dứt hết lậu của ba cõi. Hoặc dựa vào tam-muội Vô nguyện mà dứt hết lậu ba cõi, hoặc dựa vào tam-muội Vô tướng mà dứt hết lậu ba cõi.

Hỏi: Vì sao gọi là môn giải thoát?

Đáp: Ví như pháp dùng thuẫn. Ví như người giao đấu, cầm thuẫn ở trước, chặt đứt đầu kẻ thù. Hành giả bấy giờ gìn giữ môn giải thoát, như cầm thuẫn ở trước, chặt đứt kẻ thù phiền não, thành tựu đầu không thành tựu địa rơi vào đấm nhiễm. Như nói: Định là Thánh đạo, bất định

là tà đạo. Tâm định được giải thoát, chẳng phải tâm bất định. Người có định có thể biết sự sanh tử, diệt của ấm.

Luận Thi Thiết nói rộng về không, đó là: nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, không không.

Vì sao Luận Thi Thiết nói rộng về không?

Đáp: Vì không là đối trị gần của hai mươi thân kiến.

Kinh Phật nói: Nếu đệ tử bậc Thánh, có đầy đủ tràng hoa ba tam-muội thì có thể dứt trừ pháp bất thiện, tu hành pháp thiện.

Hỏi: Vì sao nói ba tam-muội là tràng hoa?

Đáp: Do tràng hoa kia rất tươi đẹp, người đời thấy sinh tâm vui vẻ tôn trọng. Như lúc tuổi trẻ, đầu quấn tràng hoa, nam, hoặc nữ, đều sinh ra tâm ái kính. Hành giả cũng thế. Nếu đeo tràng hoa tam-muội thì chư Thiên, người đời đều sinh tâm yêu kính.

Lại nữa, như người đầu buộc tràng hoa thì gió không thể làm rối tóc, đứng đầu các công đức. Nếu buộc tràng hoa tam-muội thì ngọn gió trạo cử không thể nhiễu loạn. Ví như đóa hoa, nếu ta kết chúng lại thành tràng thì sẽ dựng vào nhiều việc. Các công đức cũng thế, nếu xỏ thành tràng thì dùng vào nhiều việc, có thể được chánh quyết định, được quả lìa dục hết lậu.

Lại nữa, người đời đối với các đóa hoa được xâu lại, nghĩ là vòng hoa. Hiền Thánh cũng thế, dùng ba tam-muội để buộc các công đức, cũng nghĩ là tràng hoa. Cũng như người đời kết những đóa hoa theo thứ lớp, nghĩ là vòng hoa. Hiền Thánh cũng thế! Buộc tâm theo thứ lớp ở trong một duyên, cũng nghĩ là vòng hoa.

Kinh Phật nói: tam-muội Không là trú xứ của Thượng tọa.

Hỏi: Vì sao nói tam-muội Không là trú xứ của Thượng tọa?

Đáp: Vì các Thượng tọa thường cư trú ở chỗ này. Trong ba cõi, Đức Phật là Thượng tọa có đức, kế là Bích-chi Phật, kế là Tôn giả Xá-lợi-phất, vì thường ở chỗ này, nên nói là trú xứ của Thượng tọa. Lại nữa, không là pháp bất cộng trong nội đạo, mà nội đạo tất cả đều là Thượng tọa. Ngoại đạo hết thấy đều là niên thiếu. Người trong nội đạo, chỉ tám tuổi (Hạ lạp) đều đã là Thượng tọa. Vì sao? Vì đã thành tựu pháp Thượng tọa. Người ngoại đạo, tám mươi tuổi, đều là niên thiếu. Vì sao? Vì thành tựu pháp niên thiếu.

Hỏi: Các ngoại đạo có vô nguyện, vô tướng chẳng?

Đáp: Dù vô căn bản, nhưng vẫn có sự giống nhau. Hạnh thô giống với vô nguyện, hành chỉ giống với vô tướng, không cho đến không giống

nhau hướng chi là căn bản.

Lại nữa, vì có thể sinh ra pháp Thượng tọa, nên không gọi là trú xứ Thượng tọa. Pháp của Thượng tọa là đạo quả của đạo. Cái gì sinh ra? Đó là Không có thể sinh ra.

Lại nữa, vì an trụ nơi pháp thẩm đế, nên Không gọi là trú xứ của Thượng tọa. Nếu chúng sinh không được tam-muội Không, thì tánh tình sẽ rất thô tháo. Nếu được tam-muội Không, thì tánh tình sẽ bất động như núi. Cho nên, Tôn giả Cù-sa nói rằng: Nếu biết pháp giải thoát thì tánh tình sẽ được xét tra chắc chắn. Tánh tình được xét tra chắc chắn, gọi là Thượng tọa. Cho nên nói Không là trú xứ của Thượng tọa.

Lại nữa, khi hành giả trụ nơi pháp Không: Vừa ý - không vừa ý, tốt đẹp - không tốt đẹp, việc có lợi ích - việc không có lợi ích, việc vui giúp cho đời sống, việc khổ giúp cho đời sống, trong những việc này, tâm không dao động.

Nghe nói: Tôn giả Xá-lợi-phất, lúc mẹ ngài qua đời, đệ tử ở chung lại hoàn tục. Tỳ-kheo Trường Xỉ thường có tâm ngờ vực, oán ghét Tôn giả Xá-lợi-phất nên nghĩ rằng: Nay mình nên đến đó, báo với ông ta tin không tốt này. Bấy giờ, Tỳ-kheo Trường Xỉ vội vàng đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Trưởng già nên biết! Mẹ ông đã qua đời, đệ tử ở chung đã hoàn tục! Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Mẹ ta đã qua đời, đó là pháp có thân. Đệ tử của ta hoàn tục, đó là pháp của phạm phu. Lúc ấy, Tỳ-kheo Trường Xỉ nghĩ rằng: Trưởng già Xá-lợi-phất dù nói lời như vậy, nhưng tâm chắc hẳn có khác!

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, vì việc này, nên vào lúc sáng sớm, đã đắp y ôm bát vào thành Xá-Vệ, theo thứ lớp khát thực. Ăn xong, trở lại trú xứ, giải y, rửa bát, rửa chân xong, lấy Ni-sư-đàn mang trên vai, từ rừng Kỳ-Hoàn đi đến rừng An-Đà, ban ngày trời nắng, Tôn giả đến ngồi dưới cội cây, trong tâm nghĩ rằng: Ở thế gian, nếu đã từng có sắc đẹp khả ái, đến khi biến đổi tiêu tan, khiến ta sinh lo buồn, khổ não! Không quán khắp làm sao thấy được có - không.

Đến chiều tối, tôn giả Xá-lợi-phất từ rừng An-Đà, trở lại rừng Kỳ-Hoàn. Lúc này, Trưởng già A-nan đang kinh hành bên cạnh cổng Tinh xá mà Ngài cư trú, nhìn thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đến bèn hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất từ nơi nào đến?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Tôi từ rừng An-đà đến.

A-nan lại hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất! Ở rừng An-đà, Ngài thường trụ trong tam-muội nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Trụ trong tam-muội giác quán.

A-nan lại hỏi: Trụ trong giác nào quán nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Ở rừng An-đà, vào ban ngày, tôi đã có giác như thế này: Thế gian từng có sắc đẹp đáng yêu, cho đến nói rộng.

A-nan hỏi: Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào? Vì có sắc như thế chẳng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Không!

A-nan lại nói: Ngài thường nói rằng: Nếu Phật không xuất thế thì chúng ta sẽ trở thành những kẻ không có mắt mà chết. Đức Phật là sắc mâu nhiệm đáng yêu, nếu sẽ biến đổi, tan diệt, Ngài có cảm thấy buồn lo khổ não chẳng?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp: Nếu khiến cho Đức Thế tôn biến đổi, tan diệt, tôi sẽ không sinh tâm khổ não, lo buồn, chỉ nghĩ rằng: Đức Thế tôn nhanh chóng nhập Niết-bàn, con mắt của thế gian nhanh chóng diệt mất!

Trưởng già A-nan khen rằng: Lành thay! Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất! Ngài đã khéo diệt trừ ngã kiến, ngã sở kiến và ngã mạn, đã chặt đứt cội rễ của chúng, như chặt đứt đầu cây Đa-la, không còn mọc lại nữa! Đức Như lai dù là sắc thân đáng kính yêu, nhưng nếu sẽ bị biến đổi, tan diệt thì có khổ não lo buồn nào chẳng? Cho nên khi hành giả trụ trong pháp Không kia, đối với những việc vừa ý, không vừa ý, tốt hay không tốt, có lợi ích, không có lợi ích, giúp sống vui hay thêm sống khổ, tâm vẫn không xao động. Vì thế, nên gọi Không là trú xứ của Thượng tọa.

Lại nói: Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong một khu rừng thuộc nước Câu-tát-la. Bấy giờ có Phạm chí A Kỳ Bà cũng đang ở trong khu rừng ấy, cách chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất không xa, gặp lúc người dân sở tại đang sắm sửa tiết hội tháng tư, vị Phạm chí nọ vào trong thôn, uống nhiều thứ rượu ngon, ăn thịt heo no nê, lại còn đem thịt thừa và một bình rượu trở lại khu rừng ông ta đang cư ngụ, thấy Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi bên một cội cây, liền sinh ra tâm khi dễ: Người kia và ta đều là người xuất gia. Nay ta rất vui mà Tỳ-kheo kia lại rất khổ, liền nói kệ:

Ta uống rượu nếp ngon

Lén mang một bình về

Cây cỏ núi trên đất

Thấy chúng như đồng vàng.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Phạm chí như thầy chết này đang nhắm vào mình để nói bài kệ như thế. Vậy mình cũng nên nói

kệ đáp lại. Dứt, Tôn giả Xá-lợi-phất nói kệ:

*Ta uống rượu vô tướng
Lại lén mang bình không
Cây cỏ núi trên đất
Nhìn chúng như đống dãi.*

Trong kệ này, Tôn giả Xá-lợi-phất đã dùng ba môn giải thoát, tạo nên tiếng gầm sư tử. Như nói: Ta uống rượu vô tướng là môn giải thoát vô tướng. Lại lén đem chiếc bình không là môn giải thoát không.

Cây cỏ, núi trên đất, xem chúng như đống dãi là môn giải thoát vô
nguyện.

Nói vô tướng có nhiều tên: Hoặc nói không là vô tướng, hoặc nói kiến đạo là vô tướng, hoặc nói giải thoát tâm không lay động là vô tướng, hoặc nói Phi tướng Phi phi tướng xứ là vô tướng, hoặc nói vô tướng là vô tướng.

Nói Không là vô tướng: Như kinh nói: Có một Tỳ-kheo được định Tâm Vô Tướng. Vị Tỳ-kheo kia vì căn tánh chậm lụt, nên không biết định này có công đức gì, quả báo gì, bèn nghĩ: Ai biết công đức, quả báo của định này? Rồi lại nghĩ: Trưởng giả A-nan, người được Phật khen ngợi, các bậc phạm hạnh kính tin, tất nhiên phải biết định này có công đức, quả báo. Nay ta nên đến đó hỏi về việc ấy! Lại nghĩ: Trưởng giả A-nan là người khéo biết tướng mạo của sự vật, nếu ta đến đó hỏi thì e Trưởng giả sẽ hỏi lại ta: Ông đã được định này chăng? Nếu ta đáp được thì Tỳ-kheo kia sẽ cho là do thiếu dục nên che giấu, người khéo nói pháp không muốn bày tỏ công đức của mình. Còn nếu đáp không được thì rõ ràng là nói dối. Nếu nói lời khác, thì việc thưa đáp không thích đáng, tức là gây nhiễu loạn Tỳ-kheo Thượng tọa, nhưng từ trước đến nay ta không từng quấy nhiễu Tỳ-kheo Thượng tọa! Vậy nay ta cứ đi theo sau vị Tỳ-kheo kia, nếu vị ấy vì người khác nói pháp này thì ta sẽ được nghe!

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo kia đã từng theo Tôn giả A-nan trong sáu năm, mà cũng không nghe Tôn giả A-nan vì người khác giải thích. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo này mới hỏi Trưởng giả A-nan: Nếu người đã được định Tâm Vô Tướng, thì tâm không có thêm, bớt, trụ nơi hạnh khó được, giống như nước dừng lại. Đã trụ nên giải thoát, đã giải thoát nên trụ. Đức Thế tôn đã nói định này có công đức gì, có quả báo gì?

Khi đó, Trưởng giả A-nan hỏi vị Tỳ-kheo kia: Ông đã được định này chăng?

Vị Tỳ-kheo kia nghĩ rằng: Như điều ta đã e ngại, nay quả nhiên Trưởng giả A-nan đã hỏi y như vậy! Nghĩ Dứt, liền im lặng.

Tôn giả A-nan bèn nói rằng: Nếu Tỳ-kheo trụ trong định Tâm Vô Tướng, thì không tăng, không bớt, cho đến nói rộng. Phật nói định này có tất cả quả báo được tất cả tri kiến, có thể sinh trí tuệ, tu đạo hết lậu. Ông không bao lâu nữa sẽ được pháp này. Không tăng nghĩa là dứt trừ ngã kiến. Không bớt nghĩa là dứt bỏ ngã sở kiến. Năm ngã kiến, mười lăm ngã sở kiến cũng giống như thế. Không tăng là sinh tử, không bớt là Niết-bàn.

Trụ trong hạnh khó được thường dụng công, thường có chỗ làm. Như nước dừng lại, nghĩa là ví như nước từ nguồn kia chảy ra, dừng lại ở một chỗ, không còn dòng chảy khác. Định kia cũng thế trụ ở một duyên, không có duyên khác.

Vì trụ nên giải thoát, là giải thoát của tự thể.

Vì giải thoát nên trụ, là giải thoát trong thân.

Ở đây nói không là vô tướng. Ở chỗ khác cũng nói vô tướng là không. Như Kinh Pháp Ấn nói: Nếu dứt sắc tướng, quán sắc, cho đến nói rộng. Tướng chúng sinh là tướng cảnh giới. Nếu Tỳ-kheo kia nhận thấy ở pháp không thì sẽ loại trừ tướng chúng sinh, đối với cảnh giới không thấy có tướng nam, tướng nữ. Cho nên, Tôn giả Cù-sa nói rằng: Tướng chúng sinh là tướng cảnh giới. Nếu có hành không này, thì đối với cảnh giới sẽ không thấy có tướng nam, tướng nữ.

Nói kiến đạo là vô tướng, như nói: Phạm chí Mục-kiền-liên Đề-xá không nói người thứ sáu thực hành vô tướng phải chăng?

Thế nào là người thứ sáu thực hành vô tướng?

Đáp: Người thứ sáu thực hành vô tướng nghĩa là Kiên tín, Kiên pháp. Vì sao? Vì Kiên tín, Kiên pháp, đó là vô tướng, không thể đếm, không thể dễ biết, ở đây, ở kia, hoặc là khổ pháp nhãn, hoặc là khổ pháp trí, cho đến đạo tử nhãn, tử trí.

Hỏi: Vì sao kiến đạo gọi là vô tướng?

Đáp: Do lẽ đạo này là đạo nhanh chóng, là đạo không khởi tâm trông mong.

Tâm giải thoát không lay động là vô tướng: như nói: Trưởng già Già- bà- đa tham dục là tướng, giận si là tướng, tâm giải thoát không lay động là vô tướng tối thắng.

Hỏi: Vì sao tâm không lay động, giải thoát gọi là vô tướng?

Đáp: Vì phiền não là tướng, tâm người kia không bị phiền não che lấp, không bị làm hư hoại, không lầy trên chấp dưới, chẳng phải không được tự tại. Cho nên nói: Tâm không lay động giải thoát gọi là vô tướng.

Phi tướng Phi phi tướng xứ, gọi là vô tướng, như nói: Ta thường dụng công mà được định Tâm Vô Tướng.

Hỏi: Vì sao Phi tướng Phi phi tướng xứ được gọi là định vô tướng?

Đáp: Vì Phi tướng Phi phi tướng xứ ngu tối, không bén nhạy, không quyết định, vẫn nghi ngờ không hiểu rõ tướng hữu tướng, không hiểu rõ tướng Vô tướng.

Nói vô tướng là vô tướng, như trong đây nói là Kinh nói: Phật ở nước Xá Vệ, đang trụ tại mẫu đường Di già la ở Tinh xá phương Đông. Bấy giờ, Trưởng già A-nan đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, bạch Phật: Bạch Thế tôn! Thuở trước, vào một lúc nọ, Thế tôn đang trụ tại thôn Di châu trá của dòng họ Thích, con theo hầu Đức Thế tôn đã nghe nghĩa như thế này: Nay ta thường trụ ở tam-muội Không, con khéo thọ trì, nhớ lại lời nói như thế không?

Phật bảo A-nan: Như lời đã nói mà khéo, thọ trì nhớ lại lời ta đã nói không khác!

Hỏi: Nếu đã khéo thọ trì thì không nên sinh ngờ vực. Nếu còn sinh ra hoài nghi thì không gọi là khéo thọ trì?

Đáp: Do việc này nên gọi là khéo thọ trì. Vì sao? Vì không sinh tà kiến, không truyền dạy người khác, không hề quên mất!

Hỏi: Như Trưởng già A-nan học rộng, tổng trì tám vạn nhóm pháp do bậc Nhất thiết trí đã nói, đã dùng đồ đựng chánh niệm để đựng, vì sao chỉ trong một trường hợp mà còn sinh tâm hoài nghi?

Đáp: Vì khi nghe pháp này, tâm của Tôn giả A-nan có lúc sâu nảo, vì các người họ Thích bị hại. Đó là nhân duyên của luận này. Như vua Lưu ly ngu si đã giết hại các người Thích.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan dẫn một Tỳ-kheo vào thành Ca-tỳ-la. Khi trước, thành này như thành của chư Thiên, hôm nay thành ấy như gò đống, mồ mả, vì khi kẻ địch rút lui, hầu hết các bức tường thấp, các vệ cầu, các cửa sổ trên dưới đã có ở các lầu gác đều hủy hoại. Các ao, suối trong đều bị khuấy đục. Các thứ chim hồng nhạn, uyên ương, chim công, chim két, Cù-sí-la bị khói lửa ép ngặt, đều bay bổng trên hư không. Các bé trai bé gái kêu khóc, chạy theo sau Tôn giả A-nan nói rằng: “Đại đức A-nan! Mẹ con vừa qua đời, cha con vừa mới mất!” Bấy giờ, Trưởng già A-nan đến tinh xá của Phạm chí ở xứ Tu-ca-la, nơi vua Lưu-ly ngu si đã chôn các Thích tử thành Ca-tỳ-la, một nửa thân trong đất, rồi dùng sắt vụn đổ lấp xuống, đã giết chết bảy vạn bảy ngàn Hiền, Thánh.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan thấy việc này rồi, càng thêm buồn sầu!

Lại nữa, Thế tôn các căn không khác, tâm Ngài an trụ, không lay động như núi. Ngài đã khéo điều phục tâm mình như bưng bát dầu, chế ngự năm căn như ngựa nhìn thẳng đi vào thành Ca-tỳ-la.

Khi đó, Trưởng già A-nan thấy dung mạo Đức Thế tôn vui vẻ, bèn nghĩ rằng: Thân tộc của ta ly biệt, nơi sinh bị hủy hoại, Đức Thế tôn thì không như vậy! Nay ta khổ não mà tâm Đức Thế tôn không lay động như núi!

Đức Thế tôn biết ý nghĩ của Tôn giả A-nan nên bảo: Vì Ta thường trụ trong tam-muội Không, còn tâm ông thì trụ ở tướng thôn xóm. Ta trụ ở tướng A-luyện-nhã, còn ông trụ ở tướng thân tộc, tài trụ ở tướng phàm phu, ông tạo ra xứ tướng của chúng sinh, ta thực hành tướng pháp đầy đủ.

Bấy giờ, Đức Thế tôn biết Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo không thể hành đạo, bèn dẫn các Tỳ-kheo xoay vần đi đến mẫu đường Di-già-la của tinh xá phía Đông nước Xá Vệ. Lúc này, Trưởng già A-nan sâu não bốt dần, đi đến chỗ Phật đầu mặt lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng nói rộng như trên. Do việc này, nên khi A-nan hỏi Đức Phật về việc ấy trong tâm sâu não. Nghe Phật nói: Ta thường trụ của tam-muội Không... do đấy sinh nghi.

Hỏi: Phật nói: Ta thường trụ trong không, là trụ ở Không nào?

Đáp: Hoặc có người nói: Trụ ở Không Vô sở hành. Vì sao? Vì chẳng có không sở hành, khi thuận theo thực hành bốn pháp oai nghi, ba oai nghi còn lại là Không, lúc oai nghi khác cũng thế.

Lời bình: Nên nói rằng: Trụ trong tánh Không. Vì sao? Vì chỉ quán pháp tánh. Cho nên Tỳ-kheo A-nan, nếu muốn thường trụ trong Không, nên quán thôn xóm và chúng sinh, trụ tướng A-luyện-nhã. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đều nghĩ rằng: Trụ trong pháp Không này là pháp bất cộng của Phật. Phật vì muốn trừ bỏ sự ngờ vực của tâm Tỳ-kheo, nên bảo Tôn giả A-nan: Nếu Tỳ-kheo nào muốn thường trụ trong tam-muội Không, tất nhiên phải bỏ tướng thôn xóm và tướng chúng sinh, trụ ở tướng A-luyện-nhã!

Hỏi: Vì sao Phật bảo Tỳ-kheo dứt bỏ hai tướng này?

Đáp: Vì các Tỳ-kheo đối với hai tướng này sinh ra khổ não. Nếu Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo đã loại trừ tướng thôn xóm và tướng chúng sinh, trụ tướng A-luyện-nhã thì sẽ tạo ra tướng địa, cho đến tạo ra tướng Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Hỏi: Vì sao trong bất cứ lúc nào, Đức Thế tôn trừ bỏ tướng phẩm hạ, nói tướng phẩm thượng, không nói về căn bản của tướng đó?

Đáp: Vì thuyết này là pháp cũ, Chư Phật nhiều như số cát sông Hằng, ở quá khứ nói pháp đều như thế.

Lại nữa, vì muốn cho những lời Phật nói không xen lẫn. Nếu Đức Thế tôn nói mà không loại trừ tướng phẩm dưới, chỉ nói tướng phẩm trên thì pháp Phật nói sẽ xen lẫn. Chư Phật nói pháp không hề xen lẫn.

Lại nữa, vì muốn tránh lỗi nói pháp trùng lặp. Nếu Đức Thế tôn không loại trừ tướng phẩm hạ, chỉ nói về tướng phẩm thượng, tức là nói pháp trùng lặp. Chư Phật, Thế tôn không nói pháp trùng lặp!

Bất cứ lúc nào cũng trong tất cả lúc đều nói về căn bản thì văn kinh sẽ nhiều.

Lại nữa, vì muốn hiển bày đạo luận nghị. Với đạo luận nghị, nếu có nói năng, thì phải khẳng định lời nói của mình. Nếu quyết định lặp lại lời nói trước thì sẽ hủy hoại đạo lý luận nghị. Đức Phật là Luận sư không có đối thủ, vì Ngài đã khéo nhận biết đạo luận nghị.

Hỏi: Nói tướng thôn xóm là nói lên việc gì? Cho đến nói tướng của Phi tướng Phi phi tướng xứ là nói lên việc gì?

Đáp: Tướng thôn xóm là nói lên tướng về thành Ca-tỳ-la. Tướng chúng sinh là nói lên tướng về dòng họ Thích. Tướng A-luyện-nhã là nói lên tướng về Tinh xá Ni-câu-đà, cũng nói lên tướng nơi hành đạo của các Tỷ-kheo.

Tướng địa: Là hiện quán sắc, là tướng về tan hoại. Vì sao? Vì có sắc nên mới có việc chặt đứt tay, chân, tai, mũi v.v...

Tướng khổ, không: Là nói lên tướng quán Không, cho đến tướng Phi tướng Phi phi tướng xứ là hiện quán tướng của Phi tướng Phi phi tướng xứ.

Lại nữa, tướng thôn xóm là mười lăm ngã sở kiến.

Tướng chúng sinh: Là năm ngã kiến. Tướng xứ A-luyện-nhã là tam-muội Không. Tướng địa là sở duyên.

Các đối trị của địa kia là định Vô sắc.

Lại nữa, tướng thôn xóm là khí thế giới cõi Dục,

Tướng chúng sinh là thế giới của chúng sinh cõi Dục.

Tướng A-luyện-nhã: Là tướng của địa Sơ thiên, Nhị thiên, là đệ Tam thiên, đệ Tứ thiên. Các đối trị của thiên kia, là định Vô sắc.

Lại nữa, tướng thôn xóm là cõi Dục. Vì sao? Vì cõi Dục được gọi là thôn xóm, như kệ nói:

*Nếu chế ngự thôn xóm
Cũng không mắng, buộc, hại
Khổ, vui, tâm bất động.*

Đó gọi là Tỳ-kheo!

Tưởng chúng sinh là Sơ thiên. Vì sao? Vì trong chúng sinh kia có quyền thuộc, có kẻ trên người dưới.

Tưởng A-luyện-nhã là đệ Nhị thiên. Vì sao? Vì đệ Nhị thiên là pháp vắng lặng của Hiền Thánh.

Tưởng địa là đệ Tứ thiên. Vì sao? Vì trong địa kia có thắng xứ, Nhất thiết xứ, nên các đối trị của địa kia là định Vô sắc.

A-nan, đó gọi là nhập không vô thượng, gọi là hết lậu, không dụng công nhiều, tâm được giải thoát.

Hỏi: Thế nào là thường dụng công, tâm được giải thoát, không dụng công nhiều tâm được giải thoát?

Đáp: Thời giải thoát dụng công nhiều. Phi Thời giải thoát không dụng công nhiều.

Lại nữa, năm loại A-la-hán gọi là dụng công nhiều. A-la-hán bất động không dụng công nhiều. Nếu dựa vào Vị chí, trung gian, ba định Vô sắc mà được giải thoát thì gọi là dụng công nhiều. Nếu dựa vào thiên căn bản mà được giải thoát thì gọi là không dụng công nhiều.

Lại có ba tam-muội, đó là: Tam-muội Không không. Tam-muội Vô nguyện vô nguyện. Tam-muội Vô tướng vô tướng

Thế nào là tam-muội Không không?

Đáp: Luận Thi Thiết nói: Nếu Tỳ-kheo quán hữu lậu nhận lấy hành là không, hữu lậu đó nhận lấy hành trong không, nên không có pháp thường, không biến đổi, là không, vô ngã, vô ngã sở, khi nghĩ như thế, lại sinh tâm pháp tâm sở, quán tâm tứ duy trước kia là không thì trong không ấy không có pháp thường, không biến đổi, là không, vô ngã, vô ngã sở! Ví như có người muốn đốt mười khúc gỗ, trăm khúc gỗ, ngàn khúc gỗ thì phải chặt thành đống rồi nhúm lửa để đốt. Cầm một thanh cây dài, đứng bên cạnh đống củi, nếu có khúc gỗ nào lăn xuống không đốt được, thì dùng cây dài đó xúc gỗ trở lại đống lửa. Biết các khúc gỗ đã cháy rồi thì cây dài cầm trong tay cũng ném vào lửa. Người tu hành cũng thế, trước quán hữu lậu, nhận lấy hành là Không, nói rộng như trên.

Thế nào là tam-muội Vô nguyện vô nguyện?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo quán hữu lậu, nhận lấy hành là pháp vô thường, đổi thay, lúc nghĩ như thế, lại sinh khởi pháp tâm, tâm sở, quán tâm đã nghĩ rằng trước cũng là pháp vô thường, biến đổi, như người đốt gỗ, nói rộng như trên. Tỳ-kheo cũng thế! Quán hữu lậu, nhận lấy Hành là vô thường, cho đến nói rộng. Đó gọi là vô nguyện vô nguyện.

Thế nào là tam-muội Vô tướng vô tướng?

Đáp: Nếu Tỳ-kheo quán pháp tịch diệt, đó là lìa, là vi diệu, gọi là hết ái, lìa dục, là Niết-bàn diệt tận. Lúc nghĩ như thế, lại sinh ra pháp tâm, tâm sở, quán tâm tư duy trước cũng là vắng lặng, cho đến nói rộng như trên. Đó gọi là vô tướng, vô tướng.

Người soạn A-tỳ-đàm nói rằng: Tam-muội Không quán năm thủ ấm là không, kế là sinh tam-muội Không không, tức quán không là không, không của ông cũng không.

Tam-muội Vô nguyện quán năm thủ ấm là vô thường, sau đó sinh Tam-muội Vô nguyện vô nguyện, quán vô nguyện trước, vô nguyện của ông cũng là vô thường.

Tam-muội Vô tướng quán Niết-bàn vắng lặng, sau đó sinh Tam-muội Vô tướng, vô tướng, quán tam-muội Vô tướng trước là phi số tịch diệt, tam-muội Vô tướng của ông là phi số diệt. Không có ba tướng nên cũng là tịch diệt. Ví như khi người Chiên-đà-la đốt tử thi, tay cầm thanh cây dài đi vòng quanh tử thi. Nếu trong số đó có tử thi nào rớt xuống thì dùng thanh cây dài ấy khều, gom vào đống. Khi biết tử thi đã được đốt cháy hết cũng ném thanh cây dài này vào lửa. tam-muội Không cũng như thế, quán năm thủ ấm là không, sau đó sinh tam-muội Không không, quán tam-muội Không nơi ông cũng là Không! Vô nguyện, vô tướng cũng nói giống như thế.

Hỏi: Làm thế nào đạt được tam-muội này?

Đáp: Hoặc có người nói: Là ở bên kiến đạo mà được, như đăng trí ở bên kiến đạo.

Hoặc có người nói: Khi lìa dục cõi Dục, như tâm biến hóa.

Lời bình: Nên nói như thế: Nếu người nên được tam-muội, thì khi lìa dục của Phi tướng Phi phi tướng xứ, có thể được phương tiện hiện ở trước.

Hỏi: Có bao nhiêu trí, sau khởi tam-muội này hiện ở trước?

Đáp: Có bốn: Pháp trí, tử trí, khổ trí, diệt trí. Tóm lại là bốn trí sau: Người cõi Dục có ba trí sau là: Pháp trí, khổ trí, diệt trí. Cõi Sắc, cõi Vô sắc cũng có ba trí sau là: Tử trí, khổ trí, diệt trí. Nếu là cõi Dục, thì tam-muội như Không Không v.v... dựa vào đạo vô lậu thuộc thiên Vị chí, về sau sẽ khởi hiện ở trước. Phi tướng Phi phi tướng xứ dựa vào đạo vô lậu thuộc Vô sở hữu xứ, về sau sẽ khởi hiện ở trước. Ngoài ra, là dựa vào đạo vô lậu của địa mình, về sau sẽ khởi hiện ở trước.

Giới là: Ở ba cõi, địa là: Ở mười một địa. Thân, nương dựa, là nương vào thân cõi Dục.

Hành: Không thì có hai hành, không không thì có một hành, chỉ là hành không.

Hỏi: Vì sao không có hai hành, không không chỉ có một hành?

Đáp: Vì ở hành không, hành tam muội không sinh sau.

Lại nữa, hành này trái với hữu, có thể xả sinh tử. Căn thiện này có thể quán vô lậu là lỗi lầm, hướng chi là sinh tử!

Hỏi: Vì sao không hành hành vô ngã?

Đáp: Nếu thấy các pháp vô ngã mà không thấy không, thì dù có chán lìa sinh tử, tâm vẫn không vượt hơn! Nếu nhận thấy các pháp không, thì tâm chán lìa sinh tử sẽ vượt hơn. Như người ở trên đường, khi đi một mình thì không có gì lo buồn, nếu có bạn cùng đi, khi chia tay, sẽ cảm thấy rất buồn bã! Người nhận thấy pháp không kia cũng giống như thế.

Vô nguyện hành mười hành, vô nguyện vô nguyện chỉ hành hành vô thường.

Hỏi: Vì sao vô nguyện hành mười hành còn vô nguyện vô nguyện chỉ hành hành vô thường?

Đáp: Vì ở hành vô thường, hành vô nguyện sinh sau.

Lại nữa, vì hành này trái với hữu tướng, nên có thể xả sinh tử. Căn thiện này có thể quán đạo vô lậu là lỗi lầm, hướng chi là sinh tử!

Vì sao không hành hành khổ?

Đáp: Vì không quán đạo, nên tạo ra hành như thế.

Vì sao không hành hành tập v.v...?

Đáp: Nếu đã hành hành tập v.v... thì sẽ quán Thánh đạo là pháp có nối tiếp.

Vì sao không hành bốn hành như đạo v.v...?

Đáp: Nếu hành hành đạo v.v..., thì sẽ thích đáng với Thánh đạo, không gọi là lỗi lầm.

Vô tướng hành bốn hành. Vô tướng, vô tướng hành chỉ có hành.

Hỏi: Vì sao vô tướng hành bốn hành, còn vô tướng - vô tướng chỉ hành hành chỉ?

Đáp: Vì ở hành chỉ, hành vô tướng sinh sau.

Hỏi: Vì sao không của hành diệt?

Đáp: Diệt có hai thứ:

Có phi số diệt và vô thường diệt: Không biết là duyên với diệt nào?

Vì sao không hành hành diệt?

Đáp: Phái Ba-già-la-na nói: Thế nào là pháp diệt? Là pháp vô vi,

vô lậu. Pháp diệu đó là pháp trung, cho nên không hành hành diệu .

Hỏi: Vì sao không thực hành hành lia?

Đáp: Phái Ba-già-la-na nói: Thế nào là pháp lia? Đáp: Giới thiện lệ thuộc cõi Dục, định thiện là pháp xuất ly cõi Sắc, cõi Vô sắc. Pháp học, pháp Vô học và số diệt, những pháp đó không có một tướng duyên, là không - không, vô nguyện - vô nguyện.

Hoặc có người nói: Duyên sát-na của Thánh đạo sau cùng.

Hoặc có người nói: Duyên sát-na của Thánh đạo sau cùng đều có năm ấm.

Hoặc có người nói Duyên với Thánh đạo trong một đời.

Hoặc có người nói: Duyên với Thánh đạo trong một đời, đi chung năm ấm.

Vô tướng, vô tướng duyên với phi số diệt.

Niệm xứ: Là pháp niệm xứ. Về trí: Đi chung với đẳng trí.

Về Định: Tức là định. Về Căn: Tóm lại là tương ứng với ba căn.

Đời: Ở ba đời.

Duyên với đời: Không Không, Vô nguyện vô nguyện. Hoặc nói rằng: Duyên sát-na của Thánh đạo sau cùng, nghĩa là quá khứ, hiện tại duyên với quá khứ, vị lai.

Đầu tiên nên sinh: Duyên nơi hiện tại, Sát-na vị lai khác: Duyên với ba đời.

Hoặc nói rằng: Duyên với Thánh đạo trong một đời, nghĩa là: Không không, Vô nguyện, vô nguyện, cả hai đều duyên với ba đời. Vô tướng, vô tướng duyên với chẳng phải đời.

Về thiện, bất thiện, vô ký: Là thiện.

Duyên thiện, bất thiện, vô ký thì không không, vô nguyện vô nguyện duyên thiện, vô tướng vô tướng duyên vô ký.

Lệ thuộc: Là lệ thuộc ba cõi.

Duyên với lệ thuộc hay không lệ thuộc ba cõi; là: Duyên không lệ thuộc.

Là Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: Là phi học phi Vô học.

Duyên Học, Vô học, Phi học Phi Vô học: không không, vô nguyện vô nguyện duyên với Vô học. Vô tướng, vô tướng duyên với Phi học Phi Vô học.

Là kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Là tu đạo dứt.

Duyên kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: duyên không dứt.

Duyên danh, duyên nghĩa: Là duyên nghĩa.

Duyên với thân mình, thân người, chẳng phải thân: nghĩa là Không

không, vô nguyện vô nguyện duyên với thân mình. Vô tướng vô tướng duyên với chẳng phải thân.

Hỏi: Xứ nào khởi tam-muội này?

Đáp: Ở trong cõi Dục, chẳng phải cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Đường: Là trong đường người, chẳng phải đường khác, là ba châu thiên hạ trong đường người, chẳng phải châu Uất-đơn-việt.

Dựa vào thân nam, thân nữ: Đều có thể.

Cù-sa Bạt Ma nói rằng: Chỉ ở châu Diêm-phù-đề, chẳng phải phương khác! Dựa vào thân nam, chẳng phải thân nữ. Vì sao? Vì căn thiện này dựa vào thân cường tráng, vững chắc, thân người nữ thì yếu kém!

Lời bình: Như thuyết trước là tốt. Vì sao? Vì tâm người nam được tự tại, định được tự tại. Người nữ tâm cũng được tự tại, định cũng tự tại.

Là người Hữu học hay người Vô học? Là người Vô học.

Là Thời giải thoát hay phi Thời giải thoát? Là phi Thời giải thoát. Vì sao? Vì những người nào có thể khởi định này? Nghĩa là được tự tại đối với định, trong thân không có phiền não. Người Tín giải thoát không được tự tại ở trong định, cũng chẳng phải không có phiền não ở trong thân! Kiến đáo, mặc dù được tự tại đối với định, nhưng chẳng phải không có phiền não trong thân. Thời giải thoát dù không có phiền não trong thân, nhưng đối với định vẫn không được tự tại! Phi Thời giải thoát thì không có phiền não trong thân, và được tự tại đối với định.

Hỏi: Thế nào là tam-muội? Là Sát-na ban đầu hay sát-na nối tiếp nhau về sau. Nếu là sát-na ban đầu, thì sát-na khác sẽ làm gì? Nếu là sự nối tiếp nhau thì theo thuyết của Luận Thức Thân đã nói làm sao hiểu được? Như nói: Nếu pháp là hữu lậu của thế tục, là thuộc về thủ ấm, từ bên trong khởi, nhân nơi tuệ sinh, là thiện, là lệ thuộc cõi Dục. Kế là Thánh đạo sinh, duyên vô lậu, là pháp bất cộng, chỉ có bậc Thánh, không chung với phàm phu? Trả lời: Có. Không - không, vô nguyện

- vô nguyện, vô tướng - vô tướng, lệ thuộc cõi Dục?

Đáp: Nên nói rằng: Là Sát-na đầu tiên.

Hỏi: Nếu vậy thì sát-na còn lại là sao?

Đáp: Là giống với căn thiện kia.

Lại có người nói: Nối tiếp nhau: thì đều là.

Hỏi: Nếu vậy thì Luận Thức Thân nói làm sao hiểu được?

Đáp: Sát-na ban đầu là Thánh đạo, theo thứ lớp duyên vô lậu. Sát-na còn lại, dù chẳng phải Thánh đạo, nhưng theo thứ lớp cũng duyên

vô lậu.

Hỏi: Lúc nào khởi ba tam-muội này hiện ra ở trước?

Đáp: Vào lúc nhập Niết-bàn, khi A-la-hán muốn nhập Niết-bàn, từ nơi Thánh đạo khởi rồi, khởi tam-muội này hiện ở trước, từ tam-muội này khởi rồi liền nhập Niết-bàn. Không khởi lại nữa, tức Thánh đạo không khởi lại.

Lời bình: Nên nói rằng: Được tam-muội ấy rồi, muốn dùng phương tiện khởi hiện ở trước.

Hỏi: Sau Thánh đạo, khởi tam-muội này hiện ở trước. Sau tam-muội này, lại khởi Thánh đạo hiện ở trước được chăng?

Đáp: Hoặc có người nói: Không khởi! Vì sao? Vì tam-muội này ghét Thánh đạo.

Lại có người nói: Có thể khởi.

Hỏi: Nếu có thể khởi, sao lại gọi là ghét Thánh đạo?

Đáp: Dù tam-muội này không ưa Thánh đạo, nhưng không như Thánh đạo ghét bỏ. Với hữu, sau Thánh đạo, vẫn khởi tâm hữu lậu, hướng chi là sau định này không khởi tâm vô lậu hay sao! Tuy nhiên, Thánh đạo theo thứ lớp khởi định này. Định này theo thứ lớp không khởi tâm vô lậu, đương nhiên định này chỉ là hữu lậu.

Hỏi: Vì sao định này chỉ là hữu lậu? Đáp: Vì không dứt trừ kiết.

Hỏi: Vì sao bậc Thánh tu định này? Đáp: Vì bốn việc nên tu:

1. Vì muốn trụ ở niềm vui hiện pháp.
2. Vì muốn dạo chơi.
3. Vì muốn quán sát những việc đã làm.
4. Vì thọ dụng Thánh pháp.

Hơn nữa, định này là pháp hơn hết nên bậc Thánh muốn hành trì định này.
